

Vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay

Trịnh Quốc Toàn*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 15 tháng 1 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 27 tháng 2 năm 2013; chấp nhận đăng ngày 12 tháng 3 năm 2013

Tóm tắt: Trách nhiệm hình sự của pháp nhân là một vấn đề không quá mới mẻ trong khoa học pháp lý hình sự của nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên đến nay, pháp luật hình sự Việt Nam vẫn chưa ghi nhận năng lực trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm của pháp luật hình sự nước ta. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích những cơ sở lý luận và thực tiễn của việc cần thiết phải quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong luật hình sự, đồng thời xây dựng mô hình lý luận về trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành.

Ở Việt Nam, từ lâu trách nhiệm pháp lý của pháp nhân đã được quy định trong lĩnh vực pháp luật dân sự, kinh tế và hành chính. Tuy nhiên trong lĩnh vực hình sự, cả hai lần pháp điển hoá với việc ban hành Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1985 và 1999, và nhất là khi soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1999 (Luật này đã được thông qua và có hiệu lực ngày 1/1/2010) nhà làm luật vẫn chỉ chung thủy với nguyên tắc truyền thống - nguyên tắc TNHS của cá nhân, mặc dù, mỗi khi tiến hành pháp điển hoá PLHS hoặc sửa đổi, bổ sung BLHS, vấn đề TNHS của pháp nhân đều được đưa ra thảo luận nhưng sau đó nhà làm luật vẫn quyết định để lại để tiếp tục nghiên cứu.

Trước những đòi hỏi của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước nói chung và của tiến trình cải cách tư pháp theo Nghị quyết 08 và 49 của Bộ Chính trị đã đề ra, việc nghiên cứu làm sáng tỏ về mặt khoa học những vấn đề lý luận cơ bản về TNHS nói chung và TNHS của pháp nhân nói riêng không chỉ có ý nghĩa chính trị - xã hội và pháp lý, mà còn có ý nghĩa khoa học thực tiễn quan trọng. Nó thiết thực góp phần tiếp tục hoàn thiện BLHS, đảm bảo việc xử lý về hình sự triệt để hơn, công bằng hơn, hiệu quả hơn, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm của Nhà nước ta.

1. Cơ sở lý luận về TNHS của pháp nhân

Pháp nhân có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) không? Hay nói cách khác, pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm

* ĐT: 84-4-37547512.

E-mail: quoctoan@vnu.edu.vn

không? Đây là vấn đề vẫn còn có những quan điểm đối lập nhau trong khoa học LHS, mặc dù hiện nay việc thừa nhận TNHS của pháp nhân trong LHS là xu thế tất yếu ở nhiều nước.

1.1. Quan điểm không ủng hộ TNHS của pháp nhân

Về góc độ khách quan, theo học thuyết cổ điển, truyền thống pháp nhân được coi là một thực thể pháp lý trừu tượng, là một người vô hình, do các thành viên hợp lại và đại diện cho tất cả các thành viên. Do không phải là thực thể hữu hình, nên pháp nhân không thể tự mình trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội mà phải thông qua trung gian những cá nhân, đó là các cơ quan lãnh đạo, nhân viên thừa hành hoặc người được ủy quyền của pháp nhân [1]. Trong thực tiễn, các cơ quan, nhân viên thừa hành hoặc người được ủy quyền của pháp nhân có thể bị quy kết TNHS về một tội phạm nhất định trong khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, nhưng không thể nói hành vi phạm tội đó là của pháp nhân, và vì vậy, sẽ là không hợp lý nếu quy kết tội phạm đó cho chính bản thân pháp nhân [2].

Mặt khác, về góc độ chủ quan, theo các học giả không ủng hộ TNHS của pháp nhân, pháp nhân không có thể xác và cũng không có linh hồn, nó chỉ là những cấu trúc pháp lý được thiết lập nhằm phục vụ các lợi ích cá nhân của những thành viên của pháp nhân. Các nghị quyết, các quyết định của các pháp nhân chỉ là kết quả của con số cộng các ý chí cá nhân của các thành viên của pháp nhân chứ không phải từ sự mong muốn của chính bản thân pháp nhân [3]. Như vậy, một thực thể hiển nhiên được khẳng định là không có lỗi nào có thể được quy kết cho pháp nhân - một thực thể trừu tượng không có nhận thức và ý chí. Chỉ có các cá nhân cụ thể mà thông qua nó pháp nhân hành động mới được h-

ưởng ý chí tự do, mới hội tụ đủ các yếu tố cần thiết để quy kết tội phạm và như vậy mới có thể bị trừng trị [4].

Nói tóm lại, nếu như đối với các cá nhân, có thể quy kết hành vi phạm tội khách quan và lỗi chủ quan của chính họ cho mỗi tội phạm, thì với pháp nhân, dưới lăng kính của học thuyết cổ điển, truyền thống, vì không có thể hành động trực tiếp, không có sự bầu víu trực tiếp nào vào thực tế khách quan và thiếu tự do ý chí, khả năng nhận thức nên nó, về bản chất, là những thực thể không tương thích cho việc thực hiện hành vi phạm tội [5].

Những người theo học thuyết cổ điển, truyền thống không chỉ duy nhất chống lại TNHS đối với pháp nhân bằng lý lẽ là pháp nhân không có khả năng phạm tội, mà hơn thế, họ cho rằng các chế tài hình sự nhất thiết không thể áp dụng được cho pháp nhân [6]. Dù sao chăng nữa các pháp nhân cũng không thể chịu một hình phạt nào đó có hữu ích [7].

Đã một thời gian dài các nhà khoa học pháp lý hình sự theo học thuyết cổ điển nói về sự không thể trừng trị những pháp nhân hoặc chỉ ít cũng là khó khăn về mặt vật chất để áp dụng chế tài hình sự cho pháp nhân [8]. Người ta có thể bắt giam như thế nào đối với một thực thể mà bản chất của nó là vô hình? Làm thế nào có thể tước mạng sống của một chủ thể giả tưởng mà bản chất của nó là thiếu sự tồn tại của thực thể hữu hình [9].

Ngược lại, đối với các loại hình phạt khác như phạt tiền, tịch thu tài sản, tước một số quyền... mặc dù họ (các học giả theo học thuyết truyền thống) không thể chối bỏ khả năng áp dụng, nhưng họ lại đưa ra lập luận là việc trừng trị một pháp nhân sẽ dẫn đến việc xử lý không có sự phân biệt các thành viên của pháp nhân, sẽ dẫn đến trừng trị cả với những người không tham gia phạm tội [10]. Cái giá thực sự khi áp

dụng TNHS, xét đến cùng, chính các pháp nhân không phải chịu mà là những cá nhân cụ thể trong pháp nhân như: người góp cổ phần, cổ đông, người lao động... Như vậy, chế định TNHS của pháp nhân không thể chấp nhận được về phương diện pháp lý cũng như về đạo lý.

Việc trừng trị pháp nhân, tổ chức không chỉ không công bằng mà còn tỏ ra khó tương hợp với nguyên tắc cá thể hoá hình phạt [11]. Nguyên tắc này buộc mỗi thành viên của tập thể phạm tội được xử lý tùy thuộc vào hành vi và sự tham gia cụ thể của họ vào tội phạm bị truy cứu. Trong khi một tội phạm được thực hiện trong khuôn khổ hoạt động của pháp nhân, thì hoặc là toàn bộ các thành viên của pháp nhân đã phạm tội cần phải bị trừng trị có sự phân biệt và tương xứng với lỗi của từng người, hoặc là chỉ trừng trị một hoặc một số người trong pháp nhân đã liên hiệp hành động phạm tội. Sẽ là đúng, công bằng nếu chỉ trừng trị họ, sẽ là không công bằng nếu lại trừng trị tất cả những thành viên khác trong pháp nhân [12] chỉ vì lý do là họ thuộc về một tập thể hoặc là họ phụ thuộc vào nó. Như vậy, rõ ràng trong cả hai trường hợp đều không có nhu cầu trừng trị nhằm vào chính pháp nhân. Nếu trừng trị một thực thể tập thể như vậy cuối cùng sẽ không công bằng và không có lợi. Trừng phạt một thực thể tập thể về tài sản, về các hoạt động của nó hoặc sự tồn tại của nó sẽ gây thiệt hại tới những quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân thường là xa lạ với các hoạt động phạm pháp bị trách cứ. Donnedieu de Vabres [9] viết: “Nằm trong sự tất yếu của sự việc là bất một pháp nhân phải chịu một hình phạt có những hậu quả bất lợi đối với những người thứ ba vô tội. Khi người chủ của gia đình bị trừng phạt, vợ của người đó, con của người đó phải chịu những hậu quả về vật chất và tinh thần của nó”[9].

1.2. Những quan điểm ủng hộ TNHS của pháp nhân

Thứ nhất, những quan điểm cho rằng *chỉ duy nhất* là các cá nhân mới có năng lực biểu lộ ý muốn của chính mình, chỉ có cá nhân cụ thể thực hiện tội phạm mới phải chịu trách nhiệm hình sự và rằng các pháp nhân chỉ là những trừu tượng pháp lý (fiction juridique) ngày nay đã không còn được chấp nhận, không còn phù hợp với thực tế tồn tại của các pháp nhân với tư cách là “đại diện cho các sức mạnh của thời đại” như Đại hội liên minh quốc tế về LHS ở Bucarest năm 1928 đã nhận định [13].

Các học thuyết pháp lý và thực tiễn xét xử của Tòa án nhiều nước đã thoát khỏi quan niệm trên và hình thành nên nhận thức mới về vị trí, vai trò của pháp nhân trong xã hội cùng với việc từ bỏ quan niệm thuần túy là chỉ có cá nhân mới phải chịu TNHS [14].

Pháp nhân không phải là một trừu tượng pháp lý thuần túy, ngược lại nó chiếm hữu một đặc tính không đổi, có sự tồn tại thực tế của nó trong sự phân biệt với các thành viên của pháp nhân. Về thực tế, pháp luật đã ghi nhận và tổ chức nó trên phương diện pháp lý. Pháp nhân hướng ý chí độc lập chứ không phải chỉ là con số cộng các ý chí tâm lý của các cá nhân thành viên pháp nhân, tập đoàn được pháp nhân hoá, nó có thể tự quyết định một cách tự do và theo đuổi những mục tiêu cụ thể của mình và độc lập với những lợi ích của các cá nhân tạo nên pháp nhân đó [15]. Hay nói cách khác, các pháp nhân của các cá nhân được hình thành bởi những lợi ích chung thống nhất và được tổ chức thông qua các cấu trúc pháp lý. Trong các pháp nhân, những định hướng chủ đạo thể hiện những mục tiêu của chính mỗi tập thể được đưa ra không chỉ hoàn toàn giới hạn bởi tổng số các ý chí riêng của các thành viên pháp nhân. Pháp nhân hoàn toàn có ý chí của riêng mình, bởi vì nó

sinh ra, sống và tồn tại bằng sự gặp gỡ với những ý chí cá nhân của các thành viên của mình.

“Pháp nhân không phải là một người “nhân” mà là một tổ chức - tập hợp của nhiều người - được pháp luật trao cho tư cách của một người trong các quan hệ pháp luật. Hoạt động của một người (cá nhân) có thể bị chi phối bởi lý do tình cảm, lý trí, nhưng hoạt động của pháp nhân thì không. Pháp nhân chỉ theo đuổi những mục tiêu đặt ra trong văn kiện sáng lập ra nó” [16].

Có thể nói ngắn gọn, pháp nhân không phải là một chủ thể giả tưởng mà “là một thực thể xã hội độc lập, pháp nhân cũng sinh, cũng trưởng, cũng tử như cá nhân, cũng hoạt động như cá nhân” [17]. Pháp nhân có thể, với nhiều danh nghĩa, “được so sánh với con người. Nó có bộ não, có hệ thần kinh trung ương kiểm tra những gì nó làm. Nó cũng có tay để cầm công cụ và hành động theo các mệnh lệnh của hệ thần kinh trung ương” [18]. Như vậy, pháp nhân rõ ràng là một thực thể có ý chí, có mong muốn riêng của mình, được xử sự tự do và hưởng quyền tự chủ của chủ thể có thể so sánh với quyền tự chủ của cá nhân và vì vậy nó có năng lực thực hiện tội phạm một cách có lỗi và đương nhiên có thể bị xử lý về hình sự. Vì thế, việc quy kết TNHS cho pháp nhân là hoàn toàn không phải quy tội khách quan.

Một vấn đề đặt ra là pháp nhân không tự mình thực hiện tội phạm mà phải qua trung gian các cá nhân, vậy làm thế nào có thể quy kết tội phạm cho pháp nhân.

Nhìn chung, tuyệt đại đa số các học giả ủng hộ thiết lập THNS của pháp nhân trong LHS đều nghiêng về học thuyết đồng nhất hoá sự mong muốn tập thể với ý muốn cá nhân. Xuất phát từ sự tương tự hình thức giữa pháp nhân và cá nhân, những người ủng hộ học thuyết này

quy kết sự biểu lộ các quyết định của tập thể vào sự tồn tại một ý chí thống nhất trong cá nhân của người đại diện, người lãnh đạo pháp nhân. Các pháp nhân có ý thức, ý chí, mong muốn của riêng mình cùng với tư cách như các cá nhân (ý chí về bản chất là khác với ý chí của cá nhân, chắc chắn là như vậy, nhưng mà, ý chí thích hợp cho tất cả). Khi những người này thực hiện chức năng, nhiệm vụ của pháp nhân thì ý chí và hành vi của họ được đồng nhất hoá với pháp nhân, được coi như là ý chí và hành vi của pháp nhân [6].

Thứ hai, liên quan tới quan điểm cho rằng các pháp nhân về bản chất là những thực thể vô hình nên không thể áp dụng hình phạt hình sự đối với nó.

Chúng ta có thể nhận thấy rất rõ ràng là cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học về hình phạt, quan điểm trên đã không còn có sức thuyết phục. Mặc dù từ hình hoặc các hình phạt tước hoặc hạn chế quyền tự do thân thể không có thể áp dụng với pháp nhân phạm tội, nhưng những loại hình phạt khác được xây dựng trong LHS tương hợp hoàn toàn với bản chất các tổ chức và pháp nhân phạm tội với mục đích làm cho nó phải chịu cái giá của tội ác của nó đã gây ra cho xã hội. Pháp nhân có các quyền và có tài sản, vì vậy, pháp nhân có thể làm một đối tượng của hình phạt tước hoặc hạn chế quyền hoặc tài sản. Những kinh nghiệm đã thực hiện trong lĩnh vực này ở các nước thừa nhận TNHS của pháp nhân đã chỉ ra rằng, khoa học về hình phạt đủ mềm dẻo để cung cấp những hình phạt và những biện pháp an ninh phù hợp cho việc trừng phạt các thực thể pháp lý này về đời sống của nó như giải thể, đóng cửa; trong hoạt động của nó như cấm tiến hành những hoạt động nhất định, hoặc về tài sản như phạt tiền, tịch thu tài sản...

Thứ ba, về quan điểm nói rằng việc quy kết TNHS và áp dụng hình phạt với pháp nhân sẽ không công bằng và gây hại cho nguyên tắc cá thể hoá hình phạt.

Theo khoa học pháp lý hình sự hiện đại thì nguyên tắc cá thể hoá hình phạt không thể tách rời khỏi nhận thức về chế tài áp dụng đối với pháp nhân, tổ chức. Nếu những pháp nhân, tổ chức là những thực thể có khả năng phạm tội thì có lý nào các pháp nhân lại không bị chịu sự trách cứ về hình sự của Nhà nước khi nó tham gia vào tội phạm. Chế tài hình sự buộc phải áp dụng trực tiếp và duy nhất đối với chính bản thân chủ thể phạm tội, tức là đòi hỏi việc trừng trị nhằm trực tiếp vào những tổ chức, pháp nhân trong khi các thực thể này phạm tội [19]. Công bằng không có nghĩa là phải trừng trị cá nhân này hoặc cá nhân khác, thành viên của tổ chức hoặc pháp nhân có liên quan nhiều hơn mà công bằng chính là buộc tổ chức, pháp nhân cụ thể phạm tội phải chịu hình phạt. Không có lý lẽ công bằng nào mà lại biến cá nhân những người cấp dưới vốn chẳng có quyền hành gì và các nhà quản lý có trách nhiệm thành những người phải hứng chịu hậu quả thay cho tổ chức, pháp nhân phạm tội [20]. Và cũng không có sự công bằng nào mà về cùng một hành vi phạm tội mà lại có những cách đối xử khác nhau, đối với pháp nhân phạm tội cùng loại thì xử lý bằng các biện pháp trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm hành chính, còn đối với cá nhân những người lãnh đạo, người đại diện của pháp nhân hành động phạm tội vì lợi ích hoặc trong khuôn khổ hoạt động của pháp nhân lại bị trừng trị bằng biện pháp TNHS nghiêm khắc hơn nhiều.

Sự gắn bó chặt chẽ về pháp luật và đạo đức xã hội đòi hỏi là năng lực phạm tội không bị tách khỏi tính phải chịu trừng phạt [21]. Tức là khả năng phạm tội phải gắn liền với khả năng phải chịu hình phạt hình sự. Giữa tội phạm với chế tài hình sự và sự cần thiết áp dụng hình

phạt với chủ thể của tội phạm (pháp nhân phạm tội) có mối quan hệ logic khó có thể phân bác.

Trong những trường hợp pháp nhân phạm tội thì “công lý đòi hỏi phải có hình phạt trực tiếp đối với bản thân các tổ chức đó. Và đến lượt mình, bằng cách thúc đẩy và củng cố nhận thức chung của công dân và đòi hỏi các tổ chức phải quản lý, kiểm soát những nguy cơ gây hại một cách tốt hơn, các hình phạt này buộc các tổ chức nói trên phải thiết lập những hệ thống quản lý và kiểm soát nguy cơ một cách có hiệu quả, qua đó góp phần bảo vệ môi trường và sức khoẻ của công dân” [6].

Như vậy, có thể nói việc áp dụng hình phạt đối với pháp nhân phạm tội còn thể hiện nguyên tắc công bằng và bình đẳng, nguyên tắc mọi hành vi phạm tội không thoát khỏi sự trừng trị của pháp luật hình sự được củng cố.

Ở đây, chúng ta cần lưu ý là trách nhiệm dân sự và đặc biệt là trách nhiệm hành chính của pháp nhân đã được thừa nhận từ rất lâu với sự phạt tiền rất nghiêm khắc hoặc tịch thu không có phân biệt. Tuy nhiên, có những cơ chế pháp luật quy định cho phép bảo vệ các thành viên có sự thành tâm tốt trong pháp nhân, ví dụ người đó có thể sử dụng khiếu nại chống lại các cơ quan của pháp nhân.

Quan điểm cho rằng, việc áp dụng hình phạt đối với pháp nhân phạm tội là vi phạm nguyên tắc cá thể hóa hình phạt, do đó đã có sự nhầm lẫn về nguyên tắc này. Thực tế cho thấy tất cả các bản án đều có thể gây ra những hậu quả cho người thứ ba vô can. Bắt giam một người hoặc phạt họ với một hình phạt tiền nghiêm khắc có thể cướp đi của gia đình họ những khoản thu nhập, nhưng nó không có gây hại cho nguyên tắc cá thể hoá hình phạt, bởi vì bản án không trực tiếp nhằm chống lại các thành viên của gia đình người bị kết án mà là đối với người phạm tội.

Bản án kết tội đối với một pháp nhân khác với bản án có thể xảy ra của các thành viên pháp nhân, nó không nhằm vào cá nhân các thành viên của pháp nhân mà là chính pháp nhân - chủ thể chịu TNHS.

Như vậy, có thể khẳng định, về mặt lý luận, khoa học pháp lý hình sự hiện đại đã giải quyết cơ bản về vấn đề TNHS của pháp nhân. Ngày nay, việc thừa nhận TNHS của pháp nhân là xu hướng phát triển chung trong PLHS của nhiều nước.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thực tiễn pháp luật nước ngoài và Việt Nam quy định TNHS của pháp nhân

Nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển LHS ở nước ngoài cho thấy, việc thừa nhận TNHS của pháp nhân là một xu hướng của nhiều nước.

* Trong các nước theo truyền thống án lệ, ngay từ giữa thế kỷ XIX, Anh quốc là nước đầu tiên xác lập chế định TNHS của pháp nhân trong PLHS trên cơ sở các án lệ, sau đó chế định này đã được tiếp nhận trong LHS các nước Mỹ, Canada, Australia, New Zealand, v.v... Hiện nay chế định này đã được ghi nhận và trở thành nguyên tắc cơ bản trong LHS của mỗi nước. Tuy nhiên, cơ sở lý thuyết và cách thức thừa nhận, thiết lập nguyên tắc này cũng có sự khác nhau ở các nước này.

Ở châu Âu lục địa, trước Cách mạng Pháp năm 1789, TNHS của pháp nhân đã bước đầu được ghi nhận, nhưng sau đó, do ảnh hưởng của trường phái Khai sáng - Nhân đạo và phong trào cải cách PLHS, cùng với sự ghi nhận nguyên tắc lỗi và nguyên tắc cá thể hóa TNHS nên chế định này không còn áp dụng ở các nước tại châu lục này trong nhiều thế kỷ. Sau đó, từ

giữa thế kỷ XX đến nay nhiều nước ở châu lục này đã thiết lập lại chế định TNHS của pháp nhân trong luật thực định như: Hà Lan năm 1950 đối với các tội phạm kinh tế và đến năm 1976 đối với mọi tội phạm; Bồ Đào Nha năm 1982; Pháp năm 1992; Phần Lan năm 1995; Vương quốc Bỉ năm 1999, Thụy Sĩ năm 2003, Luxemboug năm 2010 và gần đây nhất là ngày 23/12/2010 Tây Ban Nha đã chính thức thừa nhận nguyên tắc TNHS của pháp nhân. Đặc biệt là gần đây một loạt nước XHCN ở Đông Âu trước nay trong quá trình chuyển đổi cũng đã quy định TNHS của pháp nhân trong LHS, như Ba Lan, Séc, Slovakia, Hungari, Bungari, Rumani, Lavia, Litva, Estonia, v.v... Hiện nay, chế định TNHS của pháp nhân đã được thừa nhận trong 27 nước thành viên Hội đồng châu Âu (EU).

Vấn đề THNS của pháp nhân đã được điều chỉnh về mặt lập pháp trong PLHS của nhiều nước không chỉ ở các nước theo truyền thống Common Law và châu Âu lục địa, mà còn được thừa nhận ở cả một số nước châu Á nữa như Nhật Bản, Singapore và đặc biệt là ở LHS Trung Quốc, một nước láng giềng của Việt Nam trong thời gian gần đây còn phân đối mạnh mẽ việc chấp nhận TNHS của pháp nhân.

* TNHS của pháp nhân đã chính thức được khuyến nghị trong nhiều văn bản pháp luật quốc tế mà Việt Nam là thành viên, như Công ước của Liên hợp quốc về trừng trị việc tài trợ cho khủng bố; Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng; Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước TOC) và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, v.v...

* Ở Việt Nam, nghiên cứu lịch sử PLHS cho thấy trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, vấn đề TNHS của pháp nhân, tổ chức

cũng đã được đề cập đến trong LHS: trong Quốc triều hình luật, Điều 62 Chương Tạp luật đã quy định: “Những trang trại ven biển mà đón tiếp thuyền buôn, ngầm đỡ hộ hàng hóa lên bờ, thì xử biếm 3 tư, phải phạt gấp 3 tang vật để sung công; lấy một phần thưởng cho người tố giác. Người chủ trang trại ấy mất chức giám trang”. Vấn đề TNHS của pháp nhân cũng được quy định trong pháp luật của chế độ thực dân phong kiến, như Điều 12 Dự số 45.1088 ngày 03/5/1945 về trừng trị các vi phạm luật lệ hối đoái, quy định: “Đối với trường hợp vi phạm luật lệ hối đoái thì không những giám đốc, quản trị viên, quản lý của pháp nhân bị truy tố mà chính bản thân pháp nhân cũng có thể bị truy tố và bị phạt bạc” [22].

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, chính quyền của chế độ cũ ở miền Nam Việt Nam cũng đã ban hành một số các văn bản pháp luật hình sự quy định về TNHS của pháp nhân như: Điều 33 Dự số 10 ngày 23/6/1950 và Điều 26 Dự số 33 ngày 16/11/1952 đều quy định trường hợp hội buôn, hiệp hội, nghiệp đoàn hoạt động trái với những điều khoản quy định về cách tổ chức và điều hành hội, thì các giám đốc hay quản trị viên đều có thể bị truy tố, bị phạt bạc hay phạt giam, còn các tổ chức trên có thể bị Tòa án giải tán. Đặc biệt là trong BLHS ngày 20/12/1972 của chính quyền Sài Gòn cũ với các điều 8, 69 và 71 cũng đã chính thức quy định TNHS của pháp nhân với tư cách là nguyên tắc chung trong LHS cùng với TNHS của cá nhân. Điều 8 quy định “Luật hình chi phối mọi cá nhân và pháp nhân cư trú trên lãnh thổ Việt Nam và mọi sự kiện xảy ra trên lãnh thổ này, kể cả không phận và hải phận”. Điều 69 quy định: “Cá nhân và pháp nhân đều có thể bị trách nhiệm hình sự” và theo Điều 71 thì “pháp nhân có thể bị xử phạt giải tán, phạt vạ và tịch thu tài sản” [23].

Dưới chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Điều 13 Sắc lệnh số 282/SL ngày 14/12/1956 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký kèm theo Luật về chế độ báo chí được Quốc hội thông qua bởi Luật số 100/SL/L002 ngày 20/5/1957 quy định: “Báo chí nào vi phạm Điều 8, sẽ bị trừng phạt: tịch thu ấn phẩm, đình bản vĩnh viễn và bị truy tố trước toà án, sẽ bị phạt tiền từ mười vạn đồng (100.000 đồng) đến năm mươi vạn đồng (500.000 đồng), hoặc người có trách nhiệm bị phạt tù từ một tháng đến một năm, hoặc cả hai hình phạt đó.

Báo chí nào vi phạm Điều 9 hoặc Điều 12 sẽ bị trừng phạt: tùy theo lỗi nặng, nhẹ mà bị cảnh cáo, tịch thu ấn phẩm, đình chỉ tạm thời, đình chỉ vĩnh viễn, hoặc bị truy tố trước toà án, có thể bị phạt tiền từ mười vạn đồng (100.000 đồng) đến một triệu đồng (1.000.000 đồng), hoặc người chịu trách nhiệm bị phạt tù từ một tháng đến hai năm, hoặc cả hai hình phạt đó. Nếu xét đương sự phạm vào những luật lệ khác, Toà án sẽ chiếu theo những luật lệ ấy mà trừng phạt thêm”.

Điều 14 quy định tiếp: “Trong mọi trường hợp vi phạm, chủ bút chịu trách nhiệm chính; người quản lý và người viết bài cũng phải liên đới chịu trách nhiệm về phần của mình. Nếu in những báo chí chưa có giấy phép thì chủ nhà in cũng bị liên đới chịu trách nhiệm”.

Tuy nhiên, sau đó các văn bản PLHS cũng như các hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) đều chỉ nghiêng về TNHS của cá nhân, không đề cập đến TNHS của pháp nhân, tổ chức, đơn vị.

Có thể nói, ở nước ta, mặc dù trong một thời gian dài và cho đến ngày nay trách nhiệm pháp lý của pháp nhân đã được thiết lập trong các lĩnh vực pháp luật khác nhau, như dân sự, kinh tế và hành chính, nhưng trong lĩnh vực LHS, trong cả hai lần pháp điển hoá với việc ban hành BLHS

năm 1985 và 1999, nhất là gần đây với việc ban hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1999 (Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2010), các nhà làm luật vẫn chưa chấp nhận nguyên tắc TNHS của pháp nhân bên cạnh nguyên tắc TNHS của cá nhân. Trong Báo cáo số 251/BC-UBTVQH12 ngày 23/4/2009 về việc giải trình tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS có ý kiến là: “Về đề nghị bổ sung TNHS của pháp nhân trong một số tội phạm liên quan đến các lĩnh vực như thuế, môi trường, chứng khoán, UBTVQH cho rằng, đây là một vấn đề lớn, cần phải nghiên cứu kỹ, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của TNHS, khái niệm tội phạm, hệ thống hình phạt, các nguyên tắc áp dụng, quyền và nghĩa vụ của pháp nhân trong tổ tụng hình sự, ... Do đó, đề nghị Quốc hội cho tiếp tục nghiên cứu phục vụ cho việc sửa đổi cơ bản, toàn diện BLHS trong thời gian tới”.

2.2. Thực tiễn vi phạm pháp luật có tính chất tội phạm do pháp nhân thực hiện ở nước ta trong thời gian qua

Việt Nam đang tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, với những chính sách kinh tế thông thoáng, hội nhập kinh tế quốc tế, gia nhập WTO nhằm mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế của Nhà nước ta đã tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển mọi mặt, trong đó trọng tâm là phát triển kinh tế. Có thể nói, trong hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, bộ mặt xã hội nước ta đã có sự thay đổi to lớn, nhất là lĩnh vực kinh tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực đó đã xuất hiện những vi phạm và hành vi có tính chất tội phạm ngày càng có chiều hướng ra tăng về quy mô và mức độ nguy hiểm do không chỉ cá nhân mà còn do tổ chức, pháp nhân thực hiện. Thực tiễn cho thấy, "không ít tổ chức kinh

tế (pháp nhân) vì chạy theo lợi nhuận cục bộ đã có sự thông đồng từ người phụ trách đến nhân viên, thực hiện nhiều hành vi trái pháp luật mang tính chất tội phạm đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế như trốn lậu thuế, kinh doanh trái phép, đầu cơ, buôn lậu hoặc vì lợi ích cục bộ nhất thời mà không thực hiện các biện pháp mà pháp luật đòi hỏi để bảo vệ môi trường, gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng" [24]. Việc núp bóng dưới danh nghĩa pháp nhân để phạm tội ngày càng tăng, tính chất nguy hiểm ngày càng cao. Các hành vi mang tính chất tội phạm do pháp nhân thực hiện trong thời gian qua xảy ra ngày càng nhiều, mức độ nguy hiểm ngày càng nghiêm trọng, phương thức thủ đoạn càng ngày càng tinh vi, như buôn lậu, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng, cố ý làm trái các quy định quản lý kinh tế, quảng cáo gian dối, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp, tầy rữa tiền hoặc có những hành vi phạm tội khác liên quan tới lĩnh vực tài chính - ngân hàng, tham nhũng... Đa số những trường hợp trên là do cơ quan lãnh đạo, người đại diện của pháp nhân thực hiện vì lợi ích của pháp nhân hoặc trong khuôn khổ hoạt động của pháp nhân với những thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, có tổ chức cao và có nhiều trường hợp mang tính quốc tế.

Theo số liệu thống kê xét xử các vụ án hình sự về các tội xâm phạm sở hữu và phạm trật tự quản lý kinh tế trong 3 năm (từ năm 2009 đến 2011) của TANDTC cho thấy năm 2009 có 27570 vụ án trên tổng số 45661 bị cáo; năm 2010 có 20434 vụ án với 33714 bị cáo; năm 2011 có 23846 vụ án với 38706 bị cáo, trong đó số vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế năm 2009 là 903 vụ trên tổng số 1843 bị cáo; năm 2010 có 803 vụ án với 1465 bị cáo; năm 2011 có 824 vụ án với 1422 bị cáo.

Theo Bộ trưởng công an cho biết, từ đầu năm 2012 đến nay, lực lượng công an đã phát hiện 891 vụ vi phạm pháp luật về tham nhũng, kinh tế, tội phạm về chức vụ (tăng 583 vụ so với năm 2011), với 1.936 tội phạm (tăng gần gấp đôi so với năm 2011). Công an đã khởi tố một loạt vụ án tham nhũng xảy ra tại Vinashin; vụ tham ô, tham nhũng xảy ra tại Công ty Xây lắp Dầu khí, tham nhũng tại Công ty dệt kim Đông Phương, chi nhánh một số Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn... Tội phạm kinh tế, tài chính, ngân hàng đã gây tổn thất hàng nghìn tỷ đồng, tác động đến hệ thống tài chính tiền tệ. Đáng chú ý là hành vi cố ý làm trái quy định của nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng, lừa đảo làm hồ sơ giả, móc nối với cán bộ ngân hàng để chiếm đoạt, huy động vốn của nhiều doanh nghiệp [25].

Ngoài những tội phạm xâm phạm sở hữu tài sản và tội phạm kinh tế như nêu trên, nhiều pháp nhân kinh tế vì mục tiêu lợi nhuận thúc đẩy hoặc vì những lợi ích có tính chất cục bộ đã thực hiện những hoạt động gây hại cho các lợi ích của Nhà nước, của xã hội, của công dân, như các hành vi gây ô nhiễm công nghiệp, huỷ hoại môi trường, vi phạm quy định an toàn trong sản xuất, lao động gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng... Những hậu quả như vậy là do những hành vi tác trách, cấu tạo có hệ thống của pháp nhân, tổ chức không áp dụng những biện pháp hợp lý hoặc không có cơ chế kiểm soát tốt gây ra, đó không phải chỉ đơn thuần là kết quả của các hành vi đơn lẻ của các cá nhân thành viên trong pháp nhân, tổ chức.

Xu thế toàn cầu hoá hiện nay trên thế giới và nhất là Việt Nam đang chủ động hội nhập quốc tế đã ảnh hưởng nhất định đến tình hình cơ cấu tội phạm ở nước ta. Tình hình tội phạm có tổ chức có yếu tố nước ngoài (mang tính quốc tế) có sự tham gia của pháp nhân, tổ chức đã xuất hiện và có chiều hướng phát triển ở

nước ta như các tội phạm xâm phạm sở hữu tài sản, các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, tẩu tửa tiền, buôn bán ma tuý, buôn lậu, buôn bán trẻ em, phụ nữ, các loại tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính, kế toán ngày càng gia tăng...

Đứng trước tình hình tội phạm do pháp nhân, tổ chức thực hiện ngày càng gia tăng và ngày càng nguy hiểm, dư luận xã hội đã có những phản ứng rất gay gắt đòi hỏi không chỉ truy cứu TNHS đối với các cá nhân phạm tội mà còn phải truy cứu TNHS cả pháp nhân, tổ chức phạm tội. Nếu chỉ xử lý về hình sự đối với người đại diện, những người được uỷ quyền hoặc những nhân viên thừa hành thực hiện hành vi vì lợi ích hoặc trong khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ của pháp nhân là rõ ràng đã bỏ lọt tội phạm, trái với nguyên tắc công bằng trong LHS, không đảm bảo tính nghiêm minh, triệt để, truy cứu đến cùng trách nhiệm đối với hành vi phạm tội, không đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, Nhà nước sẽ bất lực trong việc trấn áp và kiểm soát tình hình tội phạm, đồng thời cho thấy vô hình chung pháp luật khuyến khích tổ chức, cơ quan đó tiếp tục chạy theo lợi ích bất chính gây mất ổn định xã hội.

Xuất phát từ những điều kiện về kinh tế - xã hội, pháp luật, văn hoá, lịch sử cụ thể trong giai đoạn phát triển hiện nay của nước ta và trên cơ sở kết quả nghiên cứu về mặt lý luận, thực tiễn kinh nghiệm PLHS quy định TNHS của pháp nhân trong LHS nước ngoài và ở Việt Nam, tác giả cho rằng đã có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn để công nhận TNHS của pháp nhân. Đã đến lúc vấn đề TNHS của pháp nhân, tổ chức phải được giải quyết về mặt hình sự một cách trực tiếp trong BLHS nước ta. Có như vậy mới cho phép trừng trị tội phạm hiệu quả hơn, bổ sung lỗ hổng pháp lý trong trừng trị hình sự và đồng thời nó sẽ công bằng hơn trong việc phân phối

trách nhiệm giữa các pháp nhân, tổ chức và cá nhân người phạm tội đã hành động vì lợi ích của các thực thể này.

3. Một số kiến nghị về xây dựng chế định TNHS của pháp nhân trong BLHS năm 1999

3.1. Một số nội dung cần chú ý khi quy định TNHS của pháp nhân

Khi xây dựng chế định TNHS của pháp nhân trong BLHS, nhà lập pháp cần phải xác định rõ ràng phạm vi, điều kiện TNHS cũng như hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội.

** Chủ thể chịu TNHS của pháp nhân*

Nhìn chung, để đảm bảo nguyên tắc công bằng trong xử lý về hình sự đòi hỏi phải quy định TNHS đối với mọi loại hình tổ chức phạm tội, dù đó là tổ chức có tư cách pháp nhân hay không có tư cách pháp nhân, dù là tổ chức theo luật tư hay theo luật công. Kết quả nghiên cứu TNHS của pháp nhân trong LHS nước ngoài cho thấy, cách quy định này được thể hiện trong LHS của nhiều nước như Bỉ, Hà Lan và các nước theo truyền thống án lệ. Tuy nhiên, phạm vi chủ thể chịu TNHS theo quan niệm trên là quá rộng và tính khả thi chưa cao trong việc truy cứu TNHS.

Theo tác giả, trong dự án sửa đổi BLHS lần này chỉ nên quy định truy cứu TNHS đối với các tổ chức có tư cách pháp nhân. Việc đòi hỏi tư cách pháp nhân đối với các thực thể trên là cần thiết vì khi có tư cách pháp nhân thì các thực thể này mới có sự tồn tại của chính nó với việc hưởng thụ các quyền và gánh vác các nghĩa vụ pháp lý nhất định cũng như phải chịu TNHS đối với hành vi phạm tội của chính mình. Việc truy cứu TNHS và việc áp dụng hình phạt mới có hiệu quả. Đồng thời, cũng chỉ

nên quy định truy cứu TNHS đối với pháp nhân theo luật tư, đó là các pháp nhân được thành lập vì mục đích lợi nhuận như các loại hình doanh nghiệp tư nhân (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty có vốn đầu tư nước ngoài...) hoặc không vì mục đích thu lợi nhuận như các hiệp hội, hội, đoàn thể hoặc các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các quỹ...

** Về các tội phạm cụ thể quy kết cho pháp nhân*

Pháp nhân là một thực thể xã hội khác với cá nhân là bản thân nó không thể tự mình trực tiếp thực hiện được một số loại tội phạm cụ thể, ví dụ các tội phạm chế độ hôn nhân, gia đình, các tội phạm về tình dục hoặc một số tội phạm về bạo lực...

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm của các nước như Hà Lan, Cộng hòa Pháp hoặc Trung Quốc quy định vấn đề TNHS của pháp nhân trong LHS và căn cứ vào tình hình thực tế của Việt Nam, tác giả cho rằng, không chỉ quy định TNHS của pháp nhân đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (Chương XVI); mà cần phải quy định dạng TNHS này đối với pháp nhân phạm các loại tội phạm khác trong Phần các tội phạm BLHS, như: các tội xâm phạm an ninh quốc gia (Chương XI); các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân (Chương XIII); các tội xâm phạm sở hữu (Chương XIV); các tội phạm về môi trường (Chương XVII); các tội phạm về ma túy (Chương XVIII); các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (Chương XIX); các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính (Chương XX); các tội phạm về chức vụ (Chương XXI); các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh (Chương XXIV).

Đối với những tội phạm nào, nếu pháp nhân thực hiện sẽ bị truy cứu TNHS, nhà làm luật cần quy định cụ thể trong điều luật về tội phạm

đó, tức là cần có một hệ thống liệt kê cụ thể các tội phạm pháp nhân có thể thực hiện trong Phần các tội phạm BLHS, không nên quy định TNHS của pháp nhân được áp dụng có tính chất chung cho mọi tội phạm, có nghĩa, về mặt kỹ thuật lập pháp không nên chấp nhận một hệ thống điều khoản chung (system de la clause générale) quy định về TNHS của pháp nhân như trong LHS của Pháp, Bỉ, Hà Lan, Thụy Sĩ hoặc các nước theo truyền thống án lệ, bởi vì cách lựa chọn này, trong thực tế gặp những khó khăn nhất định nên khi áp dụng pháp luật, tòa án buộc phải đưa ra những tiêu chuẩn cụ thể để xác định những tội phạm nào pháp nhân có thể thực hiện.

** Về điều kiện quy kết TNHS cho pháp nhân*

Trong lý luận PLHS, nhìn chung đều thống nhất, về bản chất các pháp nhân hoàn toàn có khả năng phạm tội thông qua các hoạt động và ý chí tập thể của các thành viên của họ. Đó là những người lãnh đạo, đại diện của pháp nhân, người vạch ra, người chỉ đạo hoặc người thực hiện các chính sách của pháp nhân, thì tội phạm được coi là do chính pháp nhân thực hiện.

Ngoài ra, nghiên cứu PLHS nước ngoài cho thấy người ta cũng đồng ý quan điểm là ban lãnh đạo của pháp nhân cần phải đề ra và thực hiện các chính sách và biện pháp nhằm ngăn ngừa các thành viên của pháp nhân phạm tội trong khi đang làm công việc của họ. Nếu họ (ban lãnh đạo hoặc người lãnh đạo của pháp nhân) không đề ra, không kịp thời thay đổi hoặc không kịp thời thực hiện các chính sách hoặc biện pháp đó làm cho các thành viên của pháp nhân (nhân viên hoặc người lao động trong pháp nhân) vi phạm trong khi làm các công việc của pháp nhân thì bản thân pháp nhân bị quy kết TNHS về hành vi phạm tội do vô ý trong việc giám sát những người đó.

Như vậy, điều kiện về TNHS của pháp nhân là phải có một cá nhân - thường đó là cơ quan,

cá nhân người lãnh đạo của pháp nhân đã thực hiện tội phạm trong khuôn khổ hoạt động hoặc vì lợi ích của pháp nhân. Nhà làm luật Việt Nam khi quy định vấn đề này cần phải xác định rõ cơ quan lãnh đạo và người lãnh đạo của pháp nhân - những chủ thể mà hành vi của họ có thể dẫn tới TNHS đối với pháp nhân. Như vậy, TNHS ở đây là TNHS đồng thời, TNHS của pháp nhân không loại trừ TNHS của cá nhân về cùng một loại tội phạm, có nghĩa, về nguyên tắc nếu người lãnh đạo, người đại diện của pháp nhân đã thực hiện một tội phạm (dù là cố ý hoặc vô ý) vì lợi ích hoặc trong khuôn khổ hoạt động của pháp nhân thì cả pháp nhân và người lãnh đạo, người đại diện đó phải chịu TNHS về cùng loại tội phạm đó.

Trong thực tế có tội phạm được thực hiện trong pháp nhân trong khi pháp nhân tiến hành các hoạt động phù hợp với các mục đích của pháp nhân, nhưng do pháp nhân (các tập đoàn kinh tế, các công ty lớn...) có cơ cấu tổ chức phức tạp nên không xác định được cá nhân cụ thể nào thực hiện tội phạm. Theo kinh nghiệm lập pháp hình sự của Thụy Sĩ hoặc của Australia thì trong trường hợp này vẫn có thể quy kết TNHS đối với pháp nhân, không cần thiết cứ phải xác định cá nhân phạm tội trước khi quy kết TNHS của pháp nhân, nhất là khi tổ chức đó gây ra những ảnh hưởng, tác hại lớn cho xã hội. Vấn đề này, nhà làm luật nước ta cũng cần lưu ý quy định để tránh lọt tội phạm.

** Về hình phạt*

Nghiên cứu LHS nước ngoài quy định về TNHS của pháp nhân cho thấy hình phạt quy định áp dụng với pháp nhân phạm tội ở mỗi nước cũng rất khác nhau, có nước chỉ quy định hình phạt tiền là hình phạt duy nhất áp dụng như các nước theo truyền thống án lệ và Trung Quốc, trong khi các nước khác lại quy định một hệ thống hình phạt có thể áp dụng đối với các thực thể này.

Chúng tôi cho rằng, trong BLHS nên quy định một hệ thống hình phạt riêng bao gồm cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung áp dụng đối với pháp nhân phạm tội và trong đó chú trọng đến hình phạt tiền. Có như vậy mới tạo khả năng cho toà án trên cơ sở đánh giá toàn diện các tình tiết của tội phạm và chủ thể thực hiện, quyết định loại và mức hình phạt phù hợp bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc phân hoá TNHS và cá thể hóa hình phạt khi giải quyết từng vụ án cụ thể.

3.2. Mô hình lý luận về TNHS của pháp nhân trong BLHS hiện hành

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm lập pháp hình sự quy định về TNHS của pháp nhân trong LHS các nước đã nghiên cứu nêu trên và thực tiễn lập pháp hình sự ở nước ta, thì mô hình lý luận về chế định TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự Việt Nam tương lai cần được tiến hành theo hướng sửa đổi, bổ sung Điều 2 BLHS hiện hành và đồng thời bổ sung vào BLHS này một chương mới là Chương IXA với tên gọi “*Những quy định đối với pháp nhân phạm tội*” và Chương này đứng trước Chương X “*Những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội*”, mà trong đó cần phải ghi nhận toàn bộ các vấn đề có liên quan đến TNHS chỉ của pháp nhân như phạm vi TNHS của pháp nhân, những điều kiện của TNHS của pháp nhân và hệ thống hình phạt đối với pháp nhân phạm tội. Cụ thể là:

Thứ nhất, cần sửa đổi, bổ sung Điều 2 BLHS hiện hành như sau:

Điều 2: Cơ sở của trách nhiệm hình sự

1. Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

2. Thuật ngữ “người nào” nêu ở khoản 1 Điều luật này bao gồm:

a) Các cá nhân;

b) Các cơ quan, đơn vị và tổ chức có tư cách pháp nhân (được gọi chung là pháp nhân).

Thứ hai, bổ sung một chương IXA quy định những đặc thù đối với pháp nhân phạm tội như sau:

Chương IXA: Những quy định đối với pháp nhân phạm tội

Điều...: Áp dụng Bộ luật Hình sự đối với pháp nhân phạm tội

Pháp nhân phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này, đồng thời theo những quy định khác của Phần chung Bộ luật Hình sự không trái với những quy định của Chương này.

Điều...: Các điều kiện của trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự trong những trường hợp Bộ luật này quy định về những hành vi phạm tội được cơ quan lãnh đạo hoặc người đại diện của pháp nhân thực hiện nhân danh pháp nhân hoặc vì lợi ích của pháp nhân. Trong trường hợp này, trách nhiệm hình sự của pháp nhân không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân về cùng một tội phạm.

Điều...: Các hình phạt áp dụng với pháp nhân phạm tội

Các hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

1. Hình phạt chính bao gồm:

a) Phạt tiền với mức thấp nhất là 10 triệu đồng;

b) Cấm tiến hành các hoạt động nghề nghiệp hoặc hoạt động xã hội trong thời hạn từ 1 đến 5 năm hoặc vĩnh viễn;

c) Đình chỉ hoạt động của một hoặc một số cơ sở của pháp nhân mà pháp nhân đã sử dụng để tiến hành các hoạt động phạm tội trong thời hạn từ 1 năm đến 5 năm hoặc vĩnh viễn;

d) Giải thể pháp nhân.

2. Hình phạt bổ sung bao gồm:

a) Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính;

b) Tịch thu tài sản;

c) Niêm yết bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án hoặc thông báo bản án, quyết định đó trên các phương tiện nghe nhìn.

3. Đối với mỗi tội phạm, pháp nhân phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung.

4. Kết luận

Việc quy định TNHS của pháp nhân trong PLHS là một đòi hỏi tất yếu khách quan, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện nay ở Việt Nam. Xây dựng một mô hình lý luận phù hợp, có tính khả thi về chế định TNHS của pháp nhân là vấn đề mà các nhà khoa học PLHS Việt Nam cần phải tiếp tục suy ngẫm, nghiên cứu.

Cũng cần nói thêm rằng, việc ghi nhận chế định TNHS của pháp nhân trong PLHS nước ta cũng đòi hỏi có nhiều thay đổi quan trọng khác trong hệ thống lý luận PLHS như cơ sở của TNHS, khái niệm tội phạm, vấn đề lỗi, các giai đoạn phạm tội, đồng phạm, các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi, vấn đề hình phạt, quyết định hình phạt, các biện pháp tha miễn TNHS và hình phạt, xóa án tích, lý lịch tư pháp... Ngoài ra còn phải tính đến sự thay đổi rất lớn trong hai ngành luật gắn bó mật thiết với LHS, đó là Luật Tố tụng hình sự và Luật Thi

hành án hình sự. Khi đã chấp nhận chế định TNHS của pháp nhân, tức là chúng ta đã thừa nhận hệ thống các quan điểm của khoa học pháp lý hiện đại và cũng đồng nghĩa với việc phá vỡ hệ thống lý luận truyền thống, cổ điển trong khoa học pháp lý hình sự. Chúng ta không thể dựa trên những quan điểm cũ, quan điểm truyền thống để nhìn nhận những vấn đề mới phát sinh. Khoa học phải liên tục được đổi mới về mặt lý luận để phù hợp với thực tiễn. Mặc dù những sự thay đổi như vậy là phức tạp, khó khăn, nhưng dù sao cũng phải làm vì công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và những đòi hỏi từ thực tiễn sinh động của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay ở nước ta.

Tài liệu tham khảo

- [1] M.F.C von Savigny, *Traité de droit romain*, trad. De Ch. Ruenoux, Paris, Librairie Firmin Didot 1841, T.2, 311 et s.
- [2] Leffort, *Précis de droit criminel*, Paris, Sirey, 1877, 218, 219 (Tập giản yếu về luật hình sự).
- [3] M.F.C von Savigny, *Traité de droit romain*, trad. Tài liệu đã dẫn, trang 312. (Sách chuyên luận về Luật La Mã).
- [4] A. Braas, *Précis de droit criminel*, Bruxelles - Liège, Bruylant, 1946, no 122. (Tập giản yếu về luật hình sự).
- [5] Haus, *Principes généraux de droit pénal belge*, Gand, Librairie générale Ad.Hoste, no 266. (Những nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Bỉ).
- [6] Kensuke Itoh, *Những thành tựu và hạn chế về mặt lý luận trong việc pháp luật hoá trách nhiệm hình sự của tổ chức tại Nhật Bản trong sách Luật Nhật Bản, T.I: 1993-1997*, NXB Thanh niên, 2000, tr. 166.
- [7] Maistre, *Les personnes morales et le probleme de leur reponsabilité pénale*, Paris, A. Rousseaus, 1889, 275 et s. (Pháp nhân và vấn đề trách nhiệm hình sự của nó).
- [8] S. Glaser, *L'etat en personnes morales et le probleme de leur reponsabilité pénale*, R.D.P.C., 1948-1949, 444 (Tình trạng của pháp nhân và vấn đề trách nhiệm hình sự của nó).

- [9] Donnedieu de Vabres, Traite de droit criminel et de législation pénale comparée (Sách chuyên luận về luật hình sự và pháp luật hình sự so sánh), Paris, Sirey, 1947, 149.
- [10] A. Huss, Sanctions pénales et les personns morales (Chế tài hình sự và pháp nhân) , R.D.P.C., 1975-1976, 674.
- [11] A.Braas, Précis de droit criminel (Tập giản yếu về luật hình sự), Tài liệu đã dẫn, số 122; J. Constant, Traité élémentaire de droit pénal (Sách chuyên luận cơ bản về luật hình sự), Liège, Imp. Nationales, 1965, T.1, 155.
- [12] R. Garraud, Traité de droit criminel (Sách chuyên luận về luật hình sự), Paris, Sirey, 1926, 69.
- [13] Actes du Congrès (1920) (các văn bản của Đại hội).
- [14] M.Hauriou, aux sources du droit: le pouvoir, L'ordre et la liberté (về nguồn pháp luật: Thẩm quyền, trật tự và tự do), Cahiers de la Nouvelle journée, (23) Paris, Bloud & Gay, 1933, 126-127.
- [15] M. Delmas-Marty, droit pénal d'affaires (luật hình sự thương mại), Paris, 1993, 109; Y. Mayaud, la volonté à la lumière du nouveau Code pénal (Ý trí dưới ánh sáng của Bộ luật hình sự mới), in Mélanges en l'honneur du Professeur J. Languier, Grenoble, PUG, 1993, p. 214.
- [16] Arthur Taylor von Mehren & James Russell Gordley, The Civil Law System, An Introduction to the Comparative Study of Law (hệ thống pháp luật dân sự trong sách nhập môn nghiên cứu so sánh pháp luật), Second Edition, little, brown & company. Boston & Toronto, 1977.
- [17] Lê Trung Chính, Dân luật đại cương, Sài Gòn, 1950, tr.177.
- [18] H.L. Bolton (Eningeering) Company Ltd. v. T.J. Graham & Son Ltd (1957) I.Q.B.159, 172.
- [19] Phạm Hồng Hải, Pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm hay không? Tạp chí Luật học, số 3 (2000) tr.16.
- [20] V. Simonart, La personnalité morale en droit comparé (Tur cách pháp nhân trong luật so sánh), Bruxelles, Bruylant, 1995, 256.
- [21] J. Contant, La responsabilité pénale non individuelle (Trách nhiệm hình sự không phải của cá nhân), Liège, Vaillant-Carmat, 1978, 18.
- [22] Nguyễn Quang Quýnh, Hình luật tổng quát, NXB Lửa thiêng, 1973.
- [23] Công báo Việt Nam Cộng hòa, số 678/2 ngày 14/2/1973.
- [24] Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tại Tổ đại biểu Quốc hội về dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) ngày 22/5/1998. Kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa X.
- [25] <http://vnexpress.net/gl/phap-luat/2012/10/toi-pham-tai-chinh-ngan-hang-gay-ton-that-hang-nghin-ty/>.

The issue of criminal liability of legal entity in the context of developing market economy in Vietnam today

Trịnh Quốc Toàn

VNU School of Law, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

Abstract: Criminal liability of legal entity is not a new issue in the criminal legal studies in many countries around the world. However until now, Vietnamese criminal law has not recognized the capacity for criminal responsibility of legal entity. This reduces significantly the effectiveness of Vietnamese Criminal law prevention and fighting against crime of Vietnamese criminal law. In this article, the author analyzes the theoretical and practical basis of the necessity to regulate the criminal liability of legal entities in the criminal law, as well as outlines the theoretical model of criminal responsibility of legal entities in the current Vietnamese Criminal Code.